

TOÀ ÁN ND Q. LIÊN CHIỀU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04.6.2020

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
≡
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thanh Thủy.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Công Chi và Bà Nguyễn Thị Thanh**

Bình

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* **Bà Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX-ST ngày 04.5.2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐ-HNGĐST ngày 19.5.2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H- Sinh năm 1959. Trú tại: số 20 Nguyễn Huy T, phường HM, quận L, TP.Đà Nẵng. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T- sinh năm 1953(bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 16/2019/QĐST-DS ngày 25/12/2019 của TAND quận L, TP. Đà Nẵng). Nơi cư trú cuối cùng: số 20 Nguyễn Huy T, phường HM, quận L, TP.Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án ngày 10.02.2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau năm 1980, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM nay là phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm, đến năm 1983 ông Nguyễn Hữu T bỏ nhà đi đâu không rõ, một mình tôi nuôi con trưởng thành như ngày hôm nay. Từ khi ông Nguyễn Hữu T bỏ nhà đi cho đến nay tôi không có tin tức gì của ông Nguyễn Hữu T cả. Tôi đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Hữu T mất tích và Tòa án ND quận L đã ra Quyết định số 16/2019/QĐDS-ST ngày

25.12.2019 về việc tuyên bố ông Nguyễn Hữu T mất tích. Nay tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- *Về con chung*: Tôi và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 04/12/1981. Con chung Nguyễn Thị Vân N đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không đề cập giải quyết;

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có.

* Bị đơn, ông Nguyễn Hữu T có nơi cư trú cuối cùng là số 20 Nguyễn Huy T, phường HM, quận L, TP Đà Nẵng. Hiện nay ông Nguyễn Hữu T không còn cư trú tại địa phương. Bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người mất tích đối với ông Nguyễn Hữu T theo đúng theo quy định tại Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án này, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý, thông báo hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, nhưng đều vắng mặt không có lý do; tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Hữu T đã vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Nguyễn Hữu T không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường HM xác nhận và ông T cũng đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về con chung có 01 con chung Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 04/12/1981. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng :

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, không có đương sự nào xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 19.5.2020 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên

toà đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T, nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T.

2. Về nội dung tranh chấp : Xét yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hữu T thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, kết hôn với nhau năm 1980, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM nay là phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng. Theo như khai nhận của bà Nguyễn Thị H thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm, đến năm 1983 ông Nguyễn Hữu T bỏ nhà đi đâu không rõ, một mình bà nuôi con trưởng thành như ngày hôm nay. Ông Nguyễn Hữu T đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định 16/2019/QĐST-DS ngày 25/12/2019 của TAND quận L, TP. Đà Nẵng. Như vậy, trên thực tế, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T đã không còn chung sống với nhau từ năm 1983. Qua đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Nguyễn Thị H khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị Vân N, sinh ngày 04/12/1981. Con chung Nguyễn Thị Vân N đã đủ tuổi trưởng thành nên bà Nguyễn Thị H không đề cập giải quyết; nên HĐXX không xem xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị H xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Sau này, nếu có tranh chấp phát sinh về con chung; tài sản chung và nợ chung thì các bên đương sự có quyền yêu cầu tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng Bà Nguyễn Thị H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H

Tuyên xử: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1953.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01 của UBND phường HM, quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 15.12.1980 không còn giá trị pháp lý.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị H xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004249 ngày 21.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THA quận L;
- UBND p.HM, q. L
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy

